

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện năng cao
(22829501)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

TRẦN THỊ NGUYỄN THUYỀN
THI THIỆN TƯỜNG
ĐÀO MINH ĐÀO AN ĐÀO

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050050	Lê Đình Trường An	02/09/2004	CCQ2205B	1	An	7.5	6,0	6,6	
2	2122050004	Trương Khánh Âu	12/08/2004	CCQ2205A	1	An	7.5	8,0	7,8	
3	2122050009	Nguyễn Thành Thanh Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	1	Bao	5.5	7,0	6,4	
4	2122050043	Đặng Quốc Cường	18/03/2004	CCQ2205B	1	Cuong	5.5	6,5	6,1	
5	2122050022	Mai Quang Đại	10/06/2004	CCQ2205A	1	Đại	5.5	6,5	6,1	
6	2122050038	Phạm Thanh Diễm	05/05/2004	CCQ2205B	1	Diem	6.0	8,5	5,7	
7	2122050008	Lưu Bá Đông	27/07/1998	CCQ2205A	1	Do	6.0	5,5	5,7	
8	2122050062	Nguyễn Trung Đức	16/01/2003	CCQ2205B	1	Duc	5.0	3,5	4,1	
9	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1	Dung	7.0	5,0	5,8	
10	2122050026	Nguyễn Xuân Duy	09/12/2004	CCQ2205A	1	Duy	5.0	8,0	6,8	
11	2122050042	Trần Lệ Nhật Duy	06/11/2004	CCQ2205B	1	Duy	7.0	6,5	6,1	
12	2122050120	Phạm Thanh Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1	Hai	5.0	4,5	4,7	
13	2122050119	Trương Minh Hiền	16/11/2024	CCQ2205A	1	Hien	6.0	6,5	6,3	
14	2122050037	Nguyễn Trung Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B	1	Hieu	5.5	5,5	5,5	
15	2122050023	Trần Hữu Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	1	Hoang	5.0	5,5	5,3	
16	2122050036	Võ Phước Hôn	16/04/2004	CCQ2205B	1	Hon	5.0	6,5	5,9	
17	2122050046	Đoàn Minh Khải	29/07/2004	CCQ2205B	1	Khai	8.0	5,5	6,5	
18	2122050029	Lương Duy Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	1	Khoa	6.0	7,0	6,6	
19	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng Minh	20/11/2004	CCQ2205B	1	Minh	7.0	9,0	8,2	
20	2122050015	Trương Đức Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1	Ngoc	7.0	5,0	5,8	
21	2122050067	Nguyễn Tấn Gia Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B	1	Nguyen	7.0	6,5	6,7	
22	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	1	Nhan	8.0	5,5	6,5	
23	2122050136	Trần Khắc Nhân	24/03/2004	CCQ2205B	1	Nhan	6.5	6,0	6,2	
24	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A	1	Nhat	6.5	7,0	6,8	
25	2122050017	Huỳnh Tuấn Nhật	05/03/2004	CCQ2205A	1	Nhat	7.0	7,5	7,3	

13

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện năng cao
(22829501)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	6.5	9,5	8,3	
2	2122050057	Lê Quang	03/08/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	9,5	8,9	
3	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	6.0	8,0	7,2	
4	2122050056	Lê Thanh	24/11/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	6.0	3,5	4,5	
5	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	7,0	6,4	
6	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	6.0	5,0	5,4	
7	2122050018	Trương Tấn Tài	02/01/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	7,0	6,4	
8	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	7,0	6,4	
9	2122050027	Nguyễn Thành Thái	13/04/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	7.0	6,0	6,4	
10	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	7.0	5,5	6,1	
11	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	7.0	7,5	7,3	
12	2122050030	Khê Như Thuần	13/09/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	7,0	6,4	
13	2122050019	Nguyễn Văn Minh	12/03/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	7.5	8,5	8,1	
14	2122050021	Phạm Văn Thiện	19/01/2001	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	7,0	6,4	
15	2122050006	Nguyễn Duy Tiên	09/01/2003	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.0	5,0	5,0	
16	2122050066	Hồ Mạnh Trình	27/03/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	5.5	6,5	6,1	
17	2122050035	Đào Phú Minh	11/04/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	7.0	5,5	6,1	
18	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	6.0	6,0	6,0	
19	2122050025	Đặng Minh Trục	07/01/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	5,5	6,5	
20	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	5,0	5,2	
21	2122050114	Nguyễn Văn Trường	08/03/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	5.5	0,0	2,2	
22	2122050024	Nguyễn Văn Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	7.5	5,5	6,3	
23	2122050039	Lê Văn Tường	01/04/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	6.0	6,5	6,3	
24	2122140015	Ngô Hoàng Việt	07/07/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	6.5	5,0	5,6	
25	2122050010	Nguyễn Quốc Việt	17/05/2004	CCQ2205A	1	<i>(Signature)</i>	5.5	5,0	5,2	
26	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	14/03/2004	CCQ2205B	1	<i>(Signature)</i>	6.5	4,5	5,3	